SỞ Y TẾ TÂY NINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC TÂN NINH

Số: 56/TB-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v Mời báo giá gói thầu: Cung cấp và may trang phục bảo hộ lao động năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh

Kính gửi: Quý công ty, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá kế hoạch, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung cấp và may trang phục bảo hộ lao động năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh với các nội dung như sau:

I. **Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh.

   Địa chỉ: số 49, Trần Hưng Đạo, Khu phố 14, P. Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thị Bích Diệu - Phòng Tổ chức - Hành chính

- Số điện thoại: 0276.3827.157

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ lúc phát hành thư mời báo giá đến trước 23h giờ 59 phút ngày 17/11/2026 (Các báo giá nhận sau thời gian này không được xem xét).

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 17/11/2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Đúng quy cách, chất lượng sản phẩm và bảo hành: Trang phục Y tế làm đúng theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế Quy định về trang phục y tế, chất lượng trang phục đảm bảo theo yêu cầu bên A, sản phẩm bền, đẹp, đảm bảo mỹ thuật.

1. Danh mục: Trang phục Y tế mời chào giá chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm.
2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh.
3. Hồ sơ báo giá:

- Bảng báo giá. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác.

- Giấy đăng ký kinh doanh/ giấy phép hoạt động, xác nhận mã ngành nghề đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Giấy (phiếu) kiểm định vải kèm theo

4. Các thông tin khác:

Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo biểu mẫu chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm thông báo này.

Trường hợp không đúng theo quy định nêu trên thì báo giá không có hiệu lực

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đăng tải cổng mua sắm công;
- Đăng tải Web đơn vị;
- Lưu: VT, BMT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC TÂN NINH

Nguyễn Thế Ngọc

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 56/TB-TTYT ngày 12/11/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh)

STT	MÔ TẢ	TIÊU CHÍ VẢI	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bác sĩ (Hệ điều trị)	- Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3	Bộ	**48**	Căn cứ Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế về việc quy định trang phục y tế
2	Bác sĩ (Hệ dự phòng)	- Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng.	Bộ	**8**	

		Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3		
3	Dược sĩ (Hệ điều trị)	Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3	Bộ	**26**
4	Dược sĩ (Hệ dự phòng)	Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)	Bộ	**8**

		Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3		
5	Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân điều dưỡng phụ sản (Hệ điều trị)	Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3	Bộ	**32**
6	Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân điều dưỡng phụ sản (Hệ dự phòng)	Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764	Bộ	**4**

		- 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3		
7	Điều dưỡng cao đẳng, điều dưỡng trung học, Hộ sinh, Y sĩ (Hệ điều trị)	Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; *- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.* Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3	Bộ	**20**
8	Điều dưỡng cao đẳng, điều dưỡng trung học, Hộ sinh, Y sĩ	Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; *- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.* Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.	Bộ	**8**

	(Hệ dự phòng)	**Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3		
9	Cử nhân YTCC (Hệ điều trị)	- Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3	Bộ	**2**
10	Cử nhân YTCC	- Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái;	Bộ	**8**

	(Hệ dự phòng)	Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3		
11	Khối hành chính (Hệ điều trị)	-Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay hoặc ngắn tay - Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Hoặc Chân váy, tối thiểu dài ngang gối. **Áo:** Chất liệu vải kate mỹ hoặc tương đương, màu sáng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 113 - 114 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 377 – 378 x 307 – 308 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 648 – 649 x 714 – 715 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 82 - 83 Rayon 17 - 18 **Quần nam:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu sẫm. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 258 – 259 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 455 - 456 x 340 – 341 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1497 – 1498 x 1108 - 1109 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 73 – 74 Rayon 23 – 24 Spandex 3 – 4 **Quần nữ hoặc Chân váy:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu sẫm. Thông số kỹ thuật:	Bộ	**16**

		Khối lượng vải (G/M2) 258 – 259 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 455 - 456 x 340 – 341 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1497 – 1498 x 1108 - 1109 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 73 – 74 Rayon 23 – 24 Spandex 3 – 4		
12	Khối hành chính (Hệ dự phòng)	-Kiểu dáng: Áo sơ mi dài tay hoặc ngắn tay - Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Hoặc Chân váy, tối thiểu dài ngang gối. **Áo:** Chất liệu vải kate mỹ hoặc tương đương, màu sáng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 113 - 114 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 377 – 378 x 307 – 308 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 648 – 649 x 714 – 715 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 82 - 83 Rayon 17 - 18 **Quần nam:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu sẫm. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 258 – 259 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 455 - 456 x 340 – 341 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1497 – 1498 x 1108 - 1109 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 73 – 74 Rayon 23 – 24 Spandex 3 – 4 **Quần nữ hoặc Chân váy:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu sẫm. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 258 – 259 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 455 - 456 x 340 – 341 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1497 – 1498 x 1108 - 1109 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 73 – 74 Rayon 23 – 24 Spandex 3 – 4	Bộ	**8**
13	KTV Xét nghiệm (Hệ điều trị)	Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate ford hoặc tương đương, màu trắng.	Bộ	**10**

		Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 - 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 – 281 x 270 – 271 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 671 – 672 x 764 - 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 - 36 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu trắng. Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 248 – 249 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 – 461 x 337 – 338 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1646 - 1647 x 1059 – 1060 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75 - 76 Rayon 22 – 23 Spandex 2 – 3		
14	Bảo vệ (Hệ điều trị)	- Kiểu dáng: Áo cổ đức, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Mũ kê pi cùng màu với áo **Áo:** Chất liệu vải kate Ford hoặc tương đương, màu xanh cô ban sẫm Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 154 – 155 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 280 - 281 x 263 – 264 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 821 – 822 x 710 – 711 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 66 – 67 Cotton 33 – 34 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu xanh cô ban sẫm Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 250 – 251 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 465 – 466 x 340 – 341 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1616 – 1617 x 1077 - 1078 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74 – 75 Rayon 22 – 23 Spandex 3 – 4	Bộ	**4**
15	Lái xe (Hệ điều trị)	Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.	Bộ	**4**

		- Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau **Áo:** Chất liệu vải kate Ford hoặc tương đương, màu xanh đen Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 160 – 161 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 254 – 255 x 274 – 275 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 726 – 727 x 775 – 776 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 65 – 66 Cotton 34 – 35 **Quần:** Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương, màu xanh đen Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 254 – 255 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 470 – 471 x 343 – 344 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 1494 - 1495 x 895 - 896 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74 – 75 Rayon 22 – 23 Spandex 3 – 4			
16	Hộ lý (Hệ điều trị)	Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Quần âu hai ly, 2 túi chéo Mũ màu xanh cùng chất liệu vải áo. **Áo:** Chất liệu vải kate Ford hoặc tương đương, màu xanh hòa bình Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 158 – 159 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 287 – 288 x 257 – 258 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 900 - 901 x 764 – 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 – 36 **Quần:** Chất liệu vải kate Ford hoặc tương đương, màu xanh hòa bình Thông số kỹ thuật: Khối lượng vải (G/M2) 158 – 159 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 287 – 288 x 257 – 258 Độ bền kéo đứt (N) (DọcxNgang) 900 - 901 x 764 – 765 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64 – 65 Cotton 35 – 36	Bộ	**8**	
Tổng cộng			Bộ	**214**	

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 56/TB-TTYT ngày 12 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh

Trên cơ sở thông báo mời báo giá số: /TB-TTYT, ngày tháng năm 2026 của **Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh**, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp]* báo giá danh mục dịch vụ theo yêu cầu của Trung tâm như sau:

STT	Nội dung	Mô tả thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hoá A					
n	…					

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: …. ngày, kể từ ngày … tháng … năm … *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày]*, kể từ ngày … tháng… năm...*[ghi ngày kết thúc nhận báo giá theo Thông báo]*.

3. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và chi phí khác

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))